

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14 / 2023/ HNGĐ - ST
Ngày: 26 /9/ 2023.
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH NINH BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Nhật Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hà Giang và bà Bùi Thị Hà.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Vũ Kim Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 38/2023/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXX ST- HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên Tòa số: 14/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hằng N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Xóm 2, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Xóm 2, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt chị Trần Thị Hằng N, còn vắng mặt anh Phạm Văn Q (anh Q vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng các văn bản khác nguyên đơn là chị Trần Thị Hằng N trình bày: Chị và anh Phạm Văn Q sau thời gian tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn vào ngày 06/3/2018 tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Sau đó được hai bên gia đình tổ chức cưới, sau khi cưới vợ chồng về chung sống hạnh phúc cho đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng hay cãi chửi nhau, mặc dù bản thân hai vợ chồng cũng đã khắc phục và được hai bên gia đình khuyên bảo, để vợ chồng sống hòa hợp với nhau, nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không cải

thiện được và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Sau đó vợ chồng tuy sống cùng nhau nhưng không còn quan tâm đến nhau nữa, việc ai người ấy làm, hiện nay chị đang thuê nhà và sống ly thân kể từ tháng 02/2023 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh Q không còn, vợ chồng không thể về đoàn tụ được. Do đó chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn Q.

Về con chung: Trong quá trình chung sống cho đến nay chị và anh Q có một con chung, tên là cháu Phạm Trần Khả H, sinh ngày 28/11/2018, hiện nay cháu H đang do chị trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị đề nghị giao cháu H cho chị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và chị không yêu cầu anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị. Về con riêng, chị và anh Q không ai có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị N xác định chị và anh Q không có tài sản và công nợ, do vậy nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm Văn Q, hiện tại anh đang có hộ khẩu và làm ăn sinh sống tại xóm 2, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt về Thông báo thụ lý cho anh Phạm Văn Q, do anh Q đi làm không có nhà nên Tòa án không giao trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án cho anh Q được mà Tòa án đã thông qua ông Nguyễn Văn C, là xóm trưởng xóm 2 nhận thay và tối về ông C đã đến nhà anh gặp anh Q và giao lại tạm tay cho anh Q, bản Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, anh Q nhận và ký văn bản. Đã quá thời hạn thông báo nhưng anh Q vẫn không có văn bản trả lời, bản tự khai trình bày về quan điểm của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị N. Tòa án đã thông qua ông C giao giấy triệu tập, văn bản Thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, Thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, anh Q đã nhận và ký các văn bản, nhưng anh Q vẫn không đến Tòa án làm việc, không có bản khai và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì để thể hiện quan điểm của anh, đồng thời để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng cho mình. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh Q theo đúng trình tự, quy định của pháp luật và tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về thủ tục: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến trước khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện về quyền và nghĩa vụ theo quy định. Việc anh Q vắng mặt không có lý do, song đã được Tòa án triệu tập tới phiên tòa họp lệ lần thứ hai. Căn cứ theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án được xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Hằng N xử cho ly hôn với anh Phạm Văn Q. Về con: Giao cháu Phạm Trần Khả H, sinh ngày 28/11/2018 cho chị Trần Thị Hằng N được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và anh Q không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị N. Về tài sản: Chị N xác định chị và anh Q không có tài sản và không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí chị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Hằng N có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Phạm Văn Q, có địa chỉ tại xã K, huyện Y. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Y, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 08/9/2023 có mặt chị Trần Thị Hằng N còn anh Phạm Văn Q vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay chị Trần Thị Hằng N có mặt, còn anh Phạm Văn Q vẫn vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hằng N và anh Phạm Văn Q đã có thời gian tự do tìm hiểu, trước khi cưới anh chị đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 06/3/2018 tại UBND xã K, huyện Y, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc cho đến năm 2020 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, dẫn đến cãi chửi nhau nhiều lần, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, nên chị N đã rón ra ngoài thuê chỗ ở khác. Tại phiên tòa chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn Q.

Căn cứ vào các tài liệu chị N xuất trình cũng như qua biên bản xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy, hôn nhân giữa chị N và anh Q, trong quá trình chung sống cho đến năm 2020, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng cãi chửi nhau nhiều lần, hiện tại chị N đã thuê nhà ra ở riêng và vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Mặc khác anh Q đã trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Tòa án giao về nội dung yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh, anh biết rõ song anh Q bỏ mặc, không còn quan tâm đến đời sống chung của vợ chồng. Từ những căn cứ và đánh giá nêu trên có đủ cơ sở để khẳng định tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh Q đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N xin ly hôn với anh Q là phù hợp.

[2] **Về con:** Chị N và anh Q cho đến nay có một con chung là cháu Phạm Trần Khả H, sinh ngày 28/11/2018, hiện nay cháu H đang do chị N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng sống ly thân. Nay chị N yêu cầu Tòa án giao cháu H cho chị được nuôi dưỡng và chị không yêu cầu anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu H cho chị. Xét yêu cầu của chị N về nuôi con là phù hợp vì cháu H hiện còn nhỏ và là con gái nên cần có sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn nên cần giao cháu H cho chị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và anh Q không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị N là phù hợp. Về con riêng chị N, anh Q không có và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] **Về tài sản:** Chị N xác định không có tài sản và không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] **Về án phí:** Chị N là nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật, đề sung ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 và các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Hằng N xin ly hôn anh Phạm Văn Q.

- Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Hằng N ly hôn anh Phạm Văn Q.

- Về con chung: Giao con chung Phạm Trần Khả H, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2018 cho chị Trần Thị Hằng N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Anh Phạm Văn Q không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu H cho chị Trần Thị Hằng N và có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Chị Trần Thị Hằng N xác định không có tài sản và không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Hằng N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn

đồng) tiền án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình để sung ngân sách Nhà nước. Được trừ vào 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí chi đã nộp theo biên lai số AA/2021/0005690 ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Y.
- Chi cục THA DS huyện Y .
- UBND xã K.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

Vũ Nhật Trung